

**AASCN**



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT  
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO.,LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: Số 29, Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Tel: (84-8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-8) 3910 4880  
CN Hà Nội: Số 15, ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Tel: (84-4) 3793 1428 / Fax: (84-4) 3793 1429



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*  
*đã được soát xét*





## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 4</b>
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ</b>	<b>5</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được soát xét</b>	<b>6 – 45</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 – 45



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 13 với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 339.354.060.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty và công ty con trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, các loại cột điện và dầm cầu phục vụ giao thông;
- Sản xuất các cấu kiện thép và bê tông cốt thép;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành;
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác: Chi tiết Buôn bán phương tiện vận tải đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ kho vận, đại lý vận tải, dịch vụ cung cấp xăng dầu, phụ tùng, vật tư;
- Dịch vụ hoán cải sửa chữa, cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ trông xe ô tô;
- Đào tạo lái xe, đào tạo công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng nghiệp vụ (chỉ hoạt động sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 45).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên;
Ông Ngô Văn Hân	Ủy viên;
Ông Trần Văn Hà	Ủy viên;
Ông Bùi Văn Kiên	Ủy viên;
Ông Bùi Quốc Hưng	Ủy viên;
Ông Vũ Đình Phóng	Ủy viên.

#### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Trưởng phòng tài chính kế toán đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc;
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;
Ông Trần Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc;
Ông Tiêu Phi Quang	Phó Tổng Giám đốc;
Ông Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám đốc;
Ông Phạm Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc;
Ông Ngô Văn Hân	Trưởng phòng tài chính kế toán.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

#### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

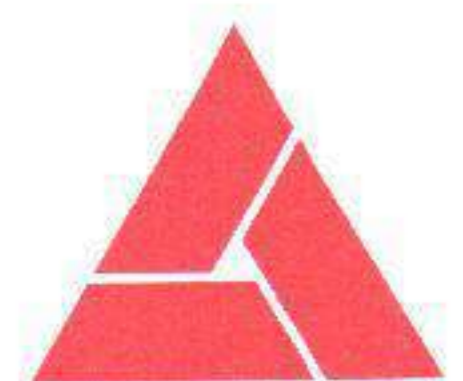
Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Bùi Văn Hữu**





Số : 281../2016/BCSX-AASCN

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô TMT được lập ngày 01 tháng 8 năm 2016, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2016

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**



**Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

#### Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-08) 3910 4881 \*Fax: (84-08) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

#### Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi  
Tel: (84-04) 3793 1428 \*Fax: (84-04) 3793 1429  
Email: admin@namviethn.vn



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.845.314.028.592</b>	<b>1.680.763.995.087</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>18.320.999.784</b>	<b>25.832.591.284</b>
1.	Tiền	111	V.01	14.700.999.784	22.212.591.284
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.620.000.000	3.620.000.000
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>350.000.000</b>	<b>350.000.000</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		350.000.000	350.000.000
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>69.979.453.415</b>	<b>83.882.415.612</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	28.586.634.110	35.542.445.096
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		22.390.868.617	30.775.374.869
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	11.325.500.000	11.325.500.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	14.736.678.679	13.151.041.450
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(7.060.227.991)	(7.060.227.991)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.06	0	148.282.188
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.08</b>	<b>1.711.333.222.469</b>	<b>1.531.003.643.040</b>
1.	Hàng tồn kho	141		1.712.628.527.800	1.532.298.948.371
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.295.305.331)	(1.295.305.331)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>45.330.352.924</b>	<b>39.695.345.151</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	5.650.686.151	5.411.187.000
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.642.443.640	33.817.898.111
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	2.037.223.133	466.260.040
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>430.034.076.933</b>	<b>315.349.146.563</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>36.531.000</b>	<b>0</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	0	0
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	36.531.000	0
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>262.851.551.869</b>	<b>78.926.420.483</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	212.851.551.869	78.921.706.733
	- Nguyên giá	222		338.062.999.482	200.363.126.619
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(125.211.447.613)	(121.441.419.886)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
	- Nguyên giá	225		0	0
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	50.000.000.000	4.713.750
	- Nguyên giá	228		50.158.939.000	158.939.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(158.939.000)	(154.225.250)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.12</b>	<b>5.745.625.259</b>	<b>5.472.632.671</b>
1.	Nguyên giá	231		7.938.225.549	7.369.427.959
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(2.192.600.290)	(1.896.795.288)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.09</b>	<b>118.729.451.451</b>	<b>192.419.511.863</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		118.729.451.451	192.419.511.863
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>500.427.800</b>	<b>500.441.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		501.073.530	501.073.530
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(645.730)	(632.530)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>42.170.489.554</b>	<b>38.030.140.546</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	29.042.881.211	24.055.677.841
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	0	71.330.754
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		103.012.295	10.229.500
4.	Tài sản dài hạn khác	268		0	0
5.	Lợi thế thương mại	269	V.15	13.024.596.048	13.892.902.451
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.275.348.105.525</b>	<b>1.996.113.141.650</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.846.461.692.582</b>	<b>1.605.814.719.593</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.810.269.360.762</b>	<b>1.566.787.205.955</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	565.842.145.727	243.133.636.222
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		65.373.964.566	134.959.221.293
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	17.735.444.153	24.015.188.563
4.	Phải trả người lao động	314		4.996.804.776	4.971.933.183
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	19.571.027.340	12.363.836.049
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	7.380.950.231	10.030.522.627
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	1.115.380.029.164	1.133.744.358.648
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	1.500.000.000	0
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.488.994.805	3.568.509.370
13.	Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>36.192.331.820</b>	<b>39.027.513.638</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.20	15.610.400.000	14.710.400.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	20.581.931.820	24.317.113.638
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		0	0



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>428.886.412.943</b>	<b>390.298.422.057</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>428.886.412.943</b>	<b>390.298.422.057</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		339.354.060.000	308.391.170.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		339.354.060.000	308.391.170.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		956.560.833	956.560.833
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		483.226.387	483.226.387
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		15.467.214.755	5.959.936.802
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.402.853.092	69.997.361.342
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(1.699.109.768)	0
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		47.101.962.860	69.997.361.342
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		0	0
13.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		35.903.487.523	13.191.156.340
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1.	Nguồn kinh phí	431		0	0
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.275.348.105.525</b>	<b>1.996.113.141.650</b>

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Loan



Ngô Văn Hân




Bùi Văn Hữu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>1.477.493.309.854</b>	<b>1.950.448.838.893</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	331.412.963	0
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1.477.161.896.891</b>	<b>1.950.448.838.893</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	1.286.974.690.186	1.680.023.496.885
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>190.187.206.705</b>	<b>270.425.342.008</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1.963.802.660	1.452.189.150
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	51.538.451.285	30.205.252.115
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		49.324.885.268	11.964.731.580
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		0	0
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	49.307.263.413	35.626.555.131
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	31.913.845.309	32.146.380.664
11.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>59.391.449.358</b>	<b>173.899.343.248</b>
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	2.434.504.223	3.265.379.244
13.	Chi phí khác	32	VI.07	2.150.446.285	2.843.914.055
14.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>284.057.938</b>	<b>421.465.189</b>
15.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>59.675.507.296</b>	<b>174.320.808.437</b>
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	12.251.959.369	36.283.949.542
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	71.330.754	(172.824.081)
18.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>47.352.217.173</b>	<b>138.209.682.976</b>
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		47.101.962.860	138.515.444.949
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		250.254.313	(305.761.973)
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.405	4.552
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1.405	4.552

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc






Hoàng Thị Loan

Ngô Văn Hân

Bùi Văn Hữu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.514.168.910.871	2.201.344.685.444
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.029.478.010.326)	(1.768.701.756.331)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(60.192.896.427)	(51.172.327.066)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(48.424.193.619)	(11.232.750.013)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(19.344.073.944)	(13.570.945.987)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		18.689.698.574	51.115.316.419
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(256.618.671.900)	(385.419.118.627)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>118.800.763.229</b>	<b>22.363.103.839</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(125.040.971.165)	(20.103.116.429)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.080.909.091	5.838.727.273
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(350.000.000)	(10.350.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		350.000.000	0
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		286.376.970	185.175.041
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(123.673.685.104)</b>	<b>(24.429.214.115)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		19.459.860.000	0
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.176.030.182.207	2.048.303.966.681
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.198.129.693.509)	(2.062.536.949.554)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	(1.332.566.300)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.639.651.302)</b>	<b>(15.565.549.173)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(7.512.573.177)</b>	<b>(17.631.659.449)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>25.832.591.284</b>	<b>41.612.128.847</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		981.677	(519.627)
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>18.320.999.784</b>	<b>23.979.949.771</b>

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Loan



Ngô Văn Hân



Bùi Văn Hữu



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con là sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, các loại cột điện và dầm cầu phục vụ giao thông;
- Sản xuất các cấu kiện thép và bê tông cốt thép;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành;
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác: Chi tiết Buôn bán phương tiện vận tải đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ kho vận, đại lý vận tải, dịch vụ cung cấp xăng dầu, phụ tùng, vật tư;
- Dịch vụ hoán cải sửa chữa, cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ trông xe ô tô;
- Đào tạo lái xe, đào tạo công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng nghiệp vụ (chỉ hoạt động sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại của Công ty khoảng từ 04 tháng đến 06 tháng. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của các hoạt động khác của Công ty mẹ và Công ty con là dưới 12 tháng.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Tổng số các công ty con: 02 Công ty.
- Danh sách Công ty con được hợp nhất gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	57,06%	57,06%	54,17%
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Số 1053 Tổ dân phố Kiên Trung, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội	89,28%	89,28%	68,11%



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cửu Long	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy xe khách, xe buýt TMT	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 1454 Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

#### 06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 có thể so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2015.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;



## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

#### **02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### **03. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### ***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

#### **04. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **05. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước



**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

Riêng quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

**08. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	04 – 15 năm
-----------	-------------

**09. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

##### ***Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa***

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở phí bảo hành cam kết với khách hàng. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.



#### **14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

#### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua, lãi mua hàng trả chậm;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



**20. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất*****Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:***

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

***Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:*****Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ hệ thống phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nếu đến cuối kỳ kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong hệ thống.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ hệ thống sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối kỳ trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”. Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong kỳ của cả hệ thống. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:**

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong hệ thống phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của các công ty con.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền mặt	1.823.678.726	354.245.318
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.877.321.058	21.858.345.966
- Tiền đang chuyển	0	0
<b>Cộng</b>	<b>14.700.999.784</b>	<b>22.212.591.284</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>350.000.000</b>	<b>350.000.000</b>	<b>350.000.000</b>	<b>350.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>350.000.000</b>	<b>350.000.000</b>	<b>350.000.000</b>	<b>350.000.000</b>

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>501.073.530</b>	<b>(645.730)</b>	<b>501.073.530</b>	<b>(632.530)</b>
- Công ty Cổ phần thiết bị Bưu điện (POT)	679.000	(319.000)	679.000	(316.600)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	394.530	(326.730)	394.530	(315.930)
- Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải ô tô	500.000.000	0	500.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>501.073.530</b>	<b>(645.730)</b>	<b>501.073.530</b>	<b>(632.530)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>28.586.634.110</b>	<b>35.542.445.096</b>
- Công ty TNHH Kerry Integrated Logistics	0	13.980.000.000
- Công ty Cổ phần AIA Hà Nội	6.472.012.000	6.268.739.000
- Ban quản lý dự án 3	4.628.694.187	4.628.694.187
- Coelme Construzioni Elettromeccaniche S.P.A	987.190.780	1.285.535.691
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Kỹ nghệ Việt Nam	1.342.966.056	0
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	15.155.771.087	9.379.476.218
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>28.586.634.110</b>	<b>35.542.445.096</b>

**04. Phải thu về cho vay**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>11.325.500.000</b>	<b>0</b>	<b>11.325.500.000</b>	<b>0</b>
- Cho cán bộ công nhân viên vay <sup>(*)</sup>	11.325.500.000	0	11.325.500.000	0
<b>b. Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>11.325.500.000</b>	<b>0</b>	<b>11.325.500.000</b>	<b>0</b>

(\*) Khoản cho cán bộ công nhân viên của Công ty vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn hiện hành của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại từng thời điểm cộng 1%/năm.

**05. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>14.736.678.679</b>	<b>(4.336.585.962)</b>	<b>13.151.041.450</b>	<b>(4.336.585.962)</b>
- Phải thu về cổ phần hoá	0	0	0	0
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	0	0	0	0
- Phải thu của người lao động	0	0	0	0
- Tạm ứng	3.555.302.849	0	3.161.317.320	0
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.666.161.377	0	2.423.716.507	0
- Phải thu khác	7.515.214.453	(4.336.585.962)	7.566.007.623	(4.336.585.962)
+ Lãi dự thu về cho vay	1.642.728.820	0	1.161.395.070	0
+ Phải thu Công ty TNHH TM&SX Thiên Trường An	550.000.000	(500.000.000)	1.000.000.000	(500.000.000)
+ Phải thu ông Phạm Văn Công	3.000.500.000	(3.000.500.000)	3.000.500.000	(3.000.500.000)
+ Phải thu các đối tượng khác	2.321.985.633	(836.085.962)	2.404.112.553	(836.085.962)
<b>b. Dài hạn</b>	<b>36.531.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	36.531.000	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>14.773.209.679</b>	<b>(4.336.585.962)</b>	<b>13.151.041.450</b>	<b>(4.336.585.962)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Hàng tồn kho	0	0	0	0
- Tài sản khác		0		148.282.188
<b>Cộng</b>		<b>0</b>		<b>148.282.188</b>

**07. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ông Phạm Văn Công	3.000.500.000	0	3.000.500.000	0
- Nhà máy cơ khí 120	500.000.000	0	500.000.000	0
- Công ty TNHH TM&SX Thiên Trường An	550.000.000	50.000.000	1.000.000.000	500.000.000
- Công ty TNHH Eunsung	587.230.880	0	587.230.880	0
- Các đối tượng khác	3.131.593.610	659.096.499	3.131.593.610	659.096.499
<b>Cộng</b>	<b>7.769.324.490</b>	<b>709.096.499</b>	<b>8.219.324.490</b>	<b>1.159.096.499</b>

**08. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	486.123.409	0	14.907.167.181	-
- Nguyên liệu, vật liệu	245.338.765.259	0	239.158.835.354	-
- Công cụ, dụng cụ	71.317.028	0	72.081.453	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	220.821.797.352	(1.295.305.331)	93.502.485.919	(1.295.305.331)
- Thành phẩm	535.173.792.775	0	428.120.277.218	-
- Hàng hoá	111.694.696.510	0	189.580.689.321	-
- Hàng gửi bán	599.042.035.467	0	566.957.411.925	-
<b>Cộng</b>	<b>1.712.628.527.800</b>	<b>(1.295.305.331)</b>	<b>1.532.298.948.371</b>	<b>(1.295.305.331)</b>

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 522.120.415.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Tài sản dở dang dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
- Mua sắm	0	690.909.091
- Xây dựng cơ bản	118.729.451.451	191.728.602.772
+ Dự án mở rộng đầu tư Nhà máy lắp ráp xe ô tô	118.355.085.087	191.248.215.076
+ Công trình khác	374.366.364	480.387.696
<b>Cộng</b>	<b>118.729.451.451</b>	<b>192.419.511.863</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>96.975.008.926</b>	<b>42.955.157.901</b>	<b>54.856.993.716</b>	<b>1.527.785.348</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>200.363.126.619</b>
- Mua trong kỳ	29.409.090.909	4.571.614.906	0	0	0	33.980.705.815
- Đầu tư XD CB hoàn thành	23.156.549.637	85.131.462.680	754.948.750	0	0	109.042.961.067
- Tặng khác	0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	(5.323.794.019)	0	0	(5.323.794.019)
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>149.540.649.472</b>	<b>132.658.235.487</b>	<b>50.288.148.447</b>	<b>1.527.785.348</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>338.062.999.482</b>

**II. Giá trị hao mòn lũy kế**

<b>Số dư đầu năm</b>	<b>60.626.258.575</b>	<b>35.805.040.502</b>	<b>19.450.262.915</b>	<b>1.511.677.166</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>121.441.419.886</b>
- Khấu hao trong kỳ	2.324.401.000	3.167.609.070	2.089.545.402	6.439.320	0	7.587.994.792
- Tặng khác	0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	(3.817.967.065)	0	0	(3.817.967.065)
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>62.950.659.575</b>	<b>38.972.649.572</b>	<b>17.721.841.252</b>	<b>1.518.116.486</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>125.211.447.613</b>

**III. Giá trị còn lại**

<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>36.348.750.351</b>	<b>7.150.117.399</b>	<b>35.406.730.801</b>	<b>16.108.182</b>	<b>0</b>	<b>78.921.706.733</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>86.589.989.897</b>	<b>93.685.585.915</b>	<b>32.566.307.195</b>	<b>9.668.862</b>	<b>0</b>	<b>212.851.551.869</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 92.690.636.422 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 74.829.486.065 đồng và 38.360.919.431 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng.





**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	0	158.939.000	158.939.000
- Mua trong kỳ	50.000.000.000	0	50.000.000.000
- Tăng khác	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0
<i>Số dư cuối kỳ</i>	50.000.000.000	158.939.000	50.158.939.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	0	154.225.250	154.225.250
- Khấu hao trong kỳ	0	4.713.750	4.713.750
- Tăng khác	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0
<i>Số dư cuối kỳ</i>	0	158.939.000	158.939.000
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. <i>Tại ngày đầu năm</i>	0	4.713.750	4.713.750
2. <i>Tại ngày cuối kỳ</i>	50.000.000.000	0	50.000.000.000

(\*): Là quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa đất số 698, 699 tờ bản đồ số 8 xã Tân Thới Hiệp H.HM phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

**12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	<b>7.369.427.959</b>	<b>568.797.590</b>	<b>0</b>	<b>7.938.225.549</b>
- Nhà	7.369.427.959	568.797.590		7.938.225.549
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>1.896.795.288</b>	<b>295.805.002</b>	<b>0</b>	<b>2.192.600.290</b>
- Nhà	1.896.795.288	295.805.002		2.192.600.290
<b>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	<b>5.472.632.671</b>	<b>0</b>	<b>272.992.588</b>	<b>5.745.625.259</b>
- Nhà	5.472.632.671	0	272.992.588	5.745.625.259



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**13. Chi phí trả trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>5.650.686.151</b>	<b>5.411.187.000</b>
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	747.128.375	1.175.139.067
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	386.259.742	0
- Chi phí vận chuyển hàng gửi bán	1.339.852.676	2.593.060.905
- Chi phí bảo hiểm hàng hóa	1.415.976.386	0
- Các khoản khác	1.761.468.972	1.642.987.028
<b>b. Dài hạn</b>	<b>29.042.881.211</b>	<b>24.055.677.841</b>
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	4.090.403.220	3.796.930.635
- Chi phí sửa chữa	4.540.276.587	4.415.246.193
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	14.731.554.631	14.933.580.276
- Chi phí trả trước dài hạn khác	5.680.646.773	909.920.737
<b>Cộng</b>	<b>34.693.567.362</b>	<b>29.466.864.841</b>

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	0
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	0	71.330.754
- Số bù trừ với khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0
<b>Tổng</b>	<b>0</b>	<b>71.330.754</b>

**15. Lợi thế thương mại**

	<u>Giá trị lợi thế thương mại đầu năm</u>	<u>Giá trị lợi thế thương mại phát sinh tăng</u>	<u>Số đã phân bổ trong kỳ</u>	<u>Giá trị còn lại cuối kỳ</u>
- Lợi thế thương mại do đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	13.892.902.451	0	868.306.403	13.024.596.048
<b>Cộng</b>	<b>13.892.902.451</b>	<b>0</b>	<b>868.306.403</b>	<b>13.024.596.048</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>16. Vay và nợ thuế tài chính</b>						
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>1.133.744.358.648</b>	<b>1.133.744.358.648</b>	<b>1.181.467.260.025</b>	<b>1.199.831.589.509</b>	<b>1.115.380.029.164</b>	<b>1.115.380.029.164</b>
<b>- Vay ngân hàng</b>	<b>1.086.647.995.012</b>	<b>1.086.647.995.012</b>	<b>1.147.837.078.207</b>	<b>1.147.884.407.691</b>	<b>1.086.600.665.528</b>	<b>1.086.600.665.528</b>
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(a)</sup>	387.796.155.259	387.796.155.259	173.659.362.504	267.773.059.029	293.682.458.734	293.682.458.734
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam <sup>(b)</sup>	482.477.664.284	482.477.664.284	635.040.493.877	576.581.843.488	540.936.314.673	540.936.314.673
+ Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh <sup>(c)</sup>	35.282.312.000	35.282.312.000	16.062.216.000	36.826.528.000	14.518.000.000	14.518.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(d)</sup>	60.472.564.243	60.472.564.243	109.359.865.055	75.574.968.170	94.257.461.128	94.257.461.128
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <sup>(e)</sup>	120.619.299.226	120.619.299.226	59.648.602.200	177.517.901.426	2.750.000.000	2.750.000.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(f)</sup>	0	0	69.403.998.571	13.610.107.578	55.793.890.993	55.793.890.993
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam <sup>(g)</sup>	0	0	84.662.540.000	0	84.662.540.000	84.662.540.000
<b>- Vay đối tượng khác</b>	<b>38.960.000.000</b>	<b>38.960.000.000</b>	<b>29.895.000.000</b>	<b>47.990.000.000</b>	<b>20.865.000.000</b>	<b>20.865.000.000</b>
+ Ông Bùi Văn Hữu <sup>(h)</sup>	37.200.000.000	37.200.000.000	29.070.000.000	47.170.000.000	19.100.000.000	19.100.000.000
+ Các cá nhân khác <sup>(h)</sup>	1.760.000.000	1.760.000.000	825.000.000	820.000.000	1.765.000.000	1.765.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- <b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>8.136.363.636</b>	<b>8.136.363.636</b>	<b>3.735.181.818</b>	<b>3.957.181.818</b>	<b>7.914.363.636</b>	<b>7.914.363.636</b>
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(i)</sup>	4.400.000.000	4.400.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <sup>(k)</sup>	3.616.363.636	3.616.363.636	1.475.181.818	1.697.181.818	3.394.363.636	3.394.363.636
+ Công ty Cổ phần Đại lý Thủ đô <sup>(l)</sup>	120.000.000	120.000.000	60.000.000	60.000.000	120.000.000	120.000.000
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>24.317.113.638</b>	<b>24.317.113.638</b>	<b>0</b>	<b>3.735.181.818</b>	<b>20.581.931.820</b>	<b>20.581.931.820</b>
- <b>Vay ngân hàng</b>	<b>12.110.000.000</b>	<b>12.110.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.200.000.000</b>	<b>20.581.931.820</b>	<b>9.910.000.000</b>
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(i)</sup>	12.110.000.000	12.110.000.000	0	2.200.000.000	9.910.000.000	9.910.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <sup>(k)</sup>	11.937.113.638	11.937.113.638	0	1.475.181.818	10.461.931.820	10.461.931.820
- <b>Vay đối tượng khác</b>	<b>270.000.000</b>	<b>270.000.000</b>	<b>0</b>	<b>60.000.000</b>	<b>210.000.000</b>	<b>210.000.000</b>
+ Công ty Cổ phần Đại lý Thủ đô <sup>(l)</sup>	270.000.000	270.000.000	0	60.000.000	210.000.000	210.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.158.061.472.286</b>	<b>1.158.061.472.286</b>	<b>1.181.467.260.025</b>	<b>1.203.566.771.327</b>	<b>1.135.961.960.984</b>	<b>1.135.961.960.984</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

(a): Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất từ 8,0%/năm đến 8,5%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản có định tại Nhà máy ô tô Cửu Long, một số tài sản hình thành từ vốn vay và quyền thuê đất và tài sản trên đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI453860 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (b): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) với lãi suất từ 8,0%/năm đến 10,0%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long, đất và tài sản trên đất tại lô đất 1.300m<sup>2</sup> tại Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội, 100% khối lượng thanh toán của các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng về tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV và 100% số dư tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV.
- (c): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 8,5%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.
- (d): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 7,5%/năm đến 8,0%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản có định tại Nhà máy ô tô Cửu Long, một số tài sản hình thành từ vốn vay và quyền thuê đất và tài sản trên đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI453861 do UBND tỉnh Hưng Yên cấp.
- (e): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất 7,5%/năm, được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long và các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (f): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong với lãi suất 7,5%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.
- (g): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam với lãi suất 8,2%/năm, được đảm bảo bằng hàng tồn kho tại Nhà máy Ô tô Cửu Long.
- (h): Khoản vay ngắn hạn cá nhân với thời hạn vay từ 01 đến 06 tháng, lãi suất từ 6,1% đến 7,1%/năm và được đảm bảo bằng tín chấp.
- (i): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 1200-LAV-201500685 ngày 27 tháng 7 năm 2015 tại Agribank – Sở giao dịch với mục đích cải tạo, phục hồi thiết bị vận hành, chạy thử và đưa vào dây chuyền sơn ED với thời hạn vay tối đa 04 năm, kỳ hạn trả nợ gốc 3 tháng 1 lần vào ngày 25, kỳ hạn trả nợ lãi cùng kỳ trả nợ gốc. Lãi suất bằng lãi suất huy động trả sau + 3,7%/năm, định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là 01 dây chuyền sơn ED.
- (k): Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai, bao gồm 4 hợp đồng vay:  
Hợp đồng tín dụng số 1009/2015-HDDTDDDA/NHCT136-OTO8 với mục đích đầu tư cải tạo bãi xe, nhà kho, nhà xưởng với tổng giá trị vay không vượt quá 4.000.000.000 đồng và thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ.  
Hợp đồng tín dụng số 05/2015-HĐTDDA/NHCT136-OTO8 với mục đích đầu tư mua sắm phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng giá trị vay không vượt quá 5.000.000.000 đồng và thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ.  
Hợp đồng tín dụng số 08/2014-HĐTDDA/NHCT136-OTO8 với mục đích đầu tư mua sắm phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng giá trị không vượt quá 9.000.000.000 đồng và thời hạn cho vay các khoản nợ là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ.  
Các khoản vay được đảm bảo bởi các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản đảm vào theo các hợp đồng bảo đảm, cụ thể:



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng 143/2015/HĐTC ký ngày 14/01/2015 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hà Nội;

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng 1119/2015/HĐTC ký ngày 26/3/2015 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hà Nội;

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng 1302/2015/HĐTC ký ngày 13/2/2015 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hà Nội;

Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng 3428/2015/HĐTC ký ngày 12/08/2015 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hà Nội;

Tổng nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản thế chấp lần lượt là 18.998.448.317 đồng và 16.487.607.917 đồng.

<sup>(0)</sup>: Là số tiền vay Công ty Cổ phần Đại lý Ford Thủ đô, lãi suất 0% theo Hợp đồng liên kết số 04/2002/HD-LK giữa Công ty Vận tải Ô tô số 8 và Công ty Cổ phần Đại lý Ford Thủ đô ngày 26 tháng 7 năm 2002.

**17. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>565.842.145.727</b>	<b>565.842.145.727</b>	<b>243.133.636.222</b>	<b>243.133.636.222</b>
- Dongfeng Industrial Motor Co.,Ltd	0	0	35.677.519.200	35.677.519.200
- Guangxi Qinzhou Lishun Machinery Co.,Ltd	330.941.274.960	330.941.274.960	0	0
- Công ty Sinotruck - Hồng Kông	24.812.109.525	24.812.109.525	82.750.497.480	82.750.497.480
- Hubei Tri-ring Special Vehicle Co.,Ltd	5.259.306.533	5.259.306.533	10.708.857.788	10.708.857.788
- Shangdong Tangjun Ouling Automobile Manufacture	63.118.724.400	63.118.724.400	0	0
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	141.710.730.309	141.710.730.309	113.996.761.754	113.996.761.754
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>565.842.145.727</b>	<b>565.842.145.727</b>	<b>243.133.636.222</b>	<b>243.133.636.222</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	0	531.041.632	1.774.402.237	2.047.736.853	0	257.707.016
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	0	0	118.956.287.681	119.948.578.141	992.290.460	0
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	139.655.172	71.943.574	0	67.711.598
- Thuế xuất, nhập khẩu	0	0	79.362.769.342	79.985.827.083	624.516.072	1.458.331
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	462.037.172	19.658.411.312	12.251.959.369	19.344.073.944	417.251.323	12.521.510.888
- Thuế thu nhập cá nhân	0	256.941.648	8.887.193.200	5.403.143.086	0	3.740.991.762
- Thuế tài nguyên	0	0	0	0	0	0
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	4.222.868	3.536.080.235	7.736.225.542	10.125.183.629	3.165.278	1.146.064.558
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	0	32.713.736	783.717.995	816.431.731	0	0
<b>Cộng</b>	<b>466.260.040</b>	<b>24.015.188.563</b>	<b>229.892.210.538</b>	<b>237.742.918.041</b>	<b>2.037.223.133</b>	<b>17.735.444.153</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**19. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>19.571.027.340</b>	<b>12.363.836.049</b>
- Chi phí lãi vay trích trước	2.077.298.720	4.036.911.781
- Chi phí vận chuyển	3.497.901.474	3.830.929.635
- Chi phí quảng cáo	6.505.272.727	0
- Chi phí nguyên vật liệu	6.059.414.167	0
- Các khoản trích trước khác	1.431.140.252	4.495.994.633
<b>b. Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>19.571.027.340</b>	<b>12.363.836.049</b>

**20. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>7.380.950.231</b>	<b>10.030.522.627</b>
- Kinh phí công đoàn	4.548.349.343	4.253.621.481
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.430.959.649	4.459.009.213
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	0
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.381.641.239	1.317.891.933
<b>b. Dài hạn</b>	<b>15.610.400.000</b>	<b>14.710.400.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	15.600.000.000	14.700.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.400.000	10.400.000
<b>Cộng</b>	<b>22.991.350.231</b>	<b>24.740.922.627</b>

**21. Dự phòng phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>0</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	1.500.000.000	0
<b>b. Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>0</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>308.391.170.000</b>	<b>956.560.833</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>2.010.665.024</b>	<b>8.038.514.606</b>	<b>14.655.353.384</b>	<b>325.854.500.587</b>
Tăng vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0
Lãi/(lỗ) trong năm trước	0	0	0	0	0	186.624.647.792	152.649.940	186.777.297.732
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	53.516.913	53.516.913
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty mẹ	0	0	0	0	0	(123.996.356.984)	0	(120.263.756.148)
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty con	0	0	0	0	216.670.942	(615.927.158)	(1.670.363.898)	(2.069.620.114)
Giảm khác	0	0	0	0	0	(53.516.913)	0	(53.516.913)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>308.391.170.000</b>	<b>956.560.833</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>5.959.936.802</b>	<b>69.997.361.342</b>	<b>13.191.156.340</b>	<b>390.298.422.057</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>308.391.170.000</b>	<b>956.560.833</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>5.959.936.802</b>	<b>69.997.361.342</b>	<b>13.191.156.340</b>	<b>390.298.422.057</b>
Tăng vốn trong kỳ này	0	0	0	0	0	0	19.441.780.711	19.441.780.711
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	0	0	0	0	0	47.101.962.860	250.254.313	47.352.217.173
Phân phối lợi nhuận trong kỳ này tại Công ty mẹ (*)	30.962.890.000	0	0	0	0	(68.287.819.559)	0	(27.993.697.169)
Phân phối lợi nhuận trong kỳ này tại Công ty con	0	0	0	0	6.374.497	(108.366.448)	(86.297.166)	(188.289.117)
Tăng/giảm khác do thay đổi tỷ lệ sở hữu	0	0	0	0	169.671.066	(3.300.285.103)	3.106.593.325	(24.020.712)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>339.354.060.000</b>	<b>956.560.833</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>15.467.214.755</b>	<b>45.402.853.092</b>	<b>35.903.487.523</b>	<b>428.886.412.943</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

(\*): Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 459/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2016, Công ty phân phối lợi nhuận còn lại năm 2015 như sau:

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
Trích quỹ Đầu tư phát triển	9.331.232.390
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	9.331.232.390
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	15.962.890.000
Thưởng Ban điều hành	15.000.000.000
Thưởng cho Tổng Giám đốc do hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch	18.662.464.779
<b>Cộng</b>	<b>68.287.819.559</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Tỷ lệ(%)</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
- Tổng Công ty công nghiệp ô tô Việt Nam	66.885.500.000	20	66.501.720.000	22
- Các đối tượng khác	272.468.560.000	80	241.889.450.000	78
<b>Cộng</b>	<b>339.354.060.000</b>	<b>100</b>	<b>308.391.170.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	308.391.170.000	308.391.170.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	30.962.890.000	0
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp cuối kỳ	339.354.060.000	308.391.170.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.962.890.000	0

**d. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.935.406	30.839.117
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.935.406	30.839.117
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.935.406	30.839.117
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.525.706	30.429.417
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.525.706	30.429.417
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	6.430,41	1.937,94
- EUR	792,90	1.633,45
Nợ khó đòi đã xử lý	11.319.786.900	11.319.786.900

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
Doanh thu bán hàng hóa	193.118.349.075	481.303.672.981
Doanh thu bán thành phẩm	1.266.732.025.312	1.442.000.867.893
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.290.715.526	16.024.258.474
Doanh thu kinh doanh bất động sản	7.975.218.595	3.883.648.633
Doanh thu hợp đồng xây dựng	377.001.346	7.236.390.912
<b>Cộng</b>	<b>1.477.493.309.854</b>	<b>1.950.448.838.893</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
- Chiết khấu thương mại	0	0
- Giảm giá hàng bán	0	0
- Hàng bán bị trả lại	331.412.963	0
<b>Cộng</b>	<b>331.412.963</b>	<b>0</b>

**03. Giá vốn hàng bán**

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	176.059.993.063	428.208.830.047
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.096.030.692.034	1.224.602.600.914
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.070.106.201	15.939.850.546
Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	5.508.448.021	3.081.859.984
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	305.450.867	5.782.003.134
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	2.408.352.260
<b>Cộng</b>	<b>1.286.974.690.186</b>	<b>1.680.023.496.885</b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	768.168.819	841.755.263
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	0	30.012.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1.195.633.841	580.421.887
<b>Cộng</b>	<b>1.963.802.660</b>	<b>1.452.189.150</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Lãi tiền vay	49.324.885.268	11.964.731.580
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	510.452.613	4.856.255.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.697.397.079	13.384.287.135
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	13.200	(21.600)
- Chi phí tài chính khác	5.703.125	0
<b>Cộng</b>	<b>51.538.451.285</b>	<b>30.205.252.115</b>

**06. Thu nhập khác**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	136.363.636	3.097.628.601
- Lãi vay ngân hàng các năm trước được giảm	2.026.040.448	0
- Các khoản khác	272.100.139	167.750.643
<b>Cộng</b>	<b>2.434.504.223</b>	<b>3.265.379.244</b>

**07. Chi phí khác**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Lỗ thanh lý TSCĐ	561.281.499	0
- Phạt chậm nộp tiền thuê đất	1.010.653.128	0
- Thuế nhập khẩu truy nộp	0	2.105.273.860
- Các khoản khác	578.511.658	738.640.195
<b>Cộng</b>	<b>2.150.446.285</b>	<b>2.843.914.055</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>31.913.845.309</b>	<b>32.461.788.145</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	14.418.677.006	10.658.346.668
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.120.233.460	200.968.932
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.698.643.980	5.759.805.375
- Thuế, phí và lệ phí	6.313.073.769	12.531.671.096
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.363.217.094	3.310.996.074
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>49.307.263.413</b>	<b>35.626.555.131</b>
- Chi phí nhân viên	8.333.249.298	2.226.685.140
- Chi phí khấu hao TSCĐ	80.056.880	93.222.630
- Chi phí vận chuyển	9.515.068.047	10.303.138.240
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.712.837.451	105.643.649
- Chi phí trả cho nhân viên đại lý	14.958.302.300	22.051.808.820
- Các khoản chi phí bán hàng khác	3.707.749.437	846.056.652
<b>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>0</b>	<b>(315.407.481)</b>
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	0	(315.407.481)
<b>Cộng</b>	<b>81.221.108.722</b>	<b>67.772.935.795</b>

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	12.251.959.369	36.283.949.542
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	0	0
<b>- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>12.251.959.369</b>	<b>36.283.949.542</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	0	(172.824.081)
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	71.330.754	0
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>71.330.754</b>	<b>(172.824.081)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	47.101.962.860	138.515.444.949
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	0	0
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	47.101.962.860	138.515.444.949
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	33.525.706	30.429.417
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.405</b>	<b>4.552</b>

**12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	47.101.962.860	138.515.444.949
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	0	0
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	47.101.962.860	138.515.444.949
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	33.525.706	30.429.417
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	0	0
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.405</b>	<b>4.552</b>

**13. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.405.135.004.272	1.502.960.991.045
- Chi phí nhân công	63.821.141.394	56.864.925.241
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.888.513.544	3.433.971.593
- Chi phí trả cho nhân viên đại lý	16.429.896.530	22.051.808.820
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.653.210.729	43.341.078.679
- Chi phí khác	18.507.087.326	18.480.160.058
<b>Cộng</b>	<b>1.568.434.853.795</b>	<b>1.647.132.935.436</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Tài chính kế toán và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
<b>Ông Bùi Văn Hữu – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</b>		
- Vay ngắn hạn	29.070.000.000	0
- Trả nợ vay ngắn hạn	47.170.000.000	0
- Chi phí đi vay	1.400.163.970	0
- Thưởng từ lợi nhuận sau thuế	18.662.464.779	0

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ông Bùi Văn Hữu – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</b>		
+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19.100.000.000	37.200.000.000
+ Lãi vay phải trả	407.785.000	942.566.667
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>19.507.785.000</b>	<b>38.142.566.667</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	21.537.727.179	2.946.717.200
<b>Cộng</b>	<b>21.537.727.179</b>	<b>2.946.717.200</b>

**03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất: Sản xuất và lắp ráp xe ô tô;
- Dịch vụ: Dịch vụ vận tải;
- Thương mại: Kinh doanh thương mại xe ô tô;
- Gia công cấu kiện thép;
- Lĩnh vực khác: Xây dựng công trình giao thông; kinh doanh bất động sản và dịch khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất, lắp ráp ô tô	Dịch vụ vận tải	Kinh doanh xe ô tô	Gia công cấu kiện thép	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</b>						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.263.716.394.148	9.141.022.399	192.901.723.841	2.684.218.201	8.718.538.302	1.477.161.896.891
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	1.205.625.342.207	9.725.272.376	192.765.775.305	2.539.184.004	7.114.873.641	1.417.770.447.533
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	58.091.051.941	(584.249.977)	135.948.536	145.034.197	1.603.664.661	59.391.449.358
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	120.480.990.459	385.033.273	11.911.108.223	1.847.745.707	738.090.661	135.362.968.323
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.290.495.658	2.389.163.616	72.633.493	1.085.006.915	969.664.541	12.806.964.223
<b>Số dư tại ngày 30/6/2016</b>						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.957.139.708.903	3.367.241.365	267.119.244.437	988.774.577	3.211.612.611	2.231.826.581.893
- Tài sản không phân bổ						43.521.523.632
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.957.139.708.903</b>	<b>3.367.241.365</b>	<b>267.119.244.437</b>	<b>988.774.577</b>	<b>3.211.612.611</b>	<b>2.275.348.105.525</b>
- Nợ phải trả bộ phận	1.605.442.714.176	8.724.426.732	208.922.472.974	2.561.886.844	8.321.197.051	1.833.972.697.777
- Nợ phải trả không phân bổ						12.488.994.805
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.605.442.714.176</b>	<b>8.724.426.732</b>	<b>208.922.472.974</b>	<b>2.561.886.844</b>	<b>8.321.197.051</b>	<b>1.846.461.692.582</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Sản xuất, lắp ráp ô tô</b>	<b>Dịch vụ vận tải</b>	<b>Kinh doanh xe ô tô</b>	<b>Gia công cấu kiện thép</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.439.880.782.722	16.024.258.474	481.303.672.981	2.120.085.171	11.120.039.545	1.950.448.838.893
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	1.295.897.587.984	16.732.877.014	452.028.125.798	2.476.720.747	9.414.184.102	1.776.549.495.645
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	143.983.194.738	(708.618.540)	29.275.547.183	(356.635.576)	1.705.855.443	173.899.343.248
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	8.029.768.778	1.238.595.164	1.688.916.144	439.128.556	92.220.940	11.488.629.582
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.540.339.284	1.487.949.764	868.993.535	591.401.707	139.497.071	4.628.181.361
<b>Số dư tại ngày 30/6/2015</b>						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.494.447.003.222	3.461.017.468	582.126.770.432	457.908.977	2.401.774.233	2.082.894.474.332
- Tài sản không phân bổ						46.999.023.301
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.494.447.003.222</b>	<b>3.461.017.468</b>	<b>582.126.770.432</b>	<b>457.908.977</b>	<b>2.401.774.233</b>	<b>2.129.893.497.633</b>
- Nợ phải trả bộ phận	1.230.848.797.365	13.697.966.879	411.431.317.207	1.812.305.792	9.505.708.712	1.667.296.095.955
- Nợ phải trả không phân bổ						3.713.338.927
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.230.848.797.365</b>	<b>13.697.966.879</b>	<b>411.431.317.207</b>	<b>1.812.305.792</b>	<b>9.505.708.712</b>	<b>1.671.009.434.882</b>

**Khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.320.999.784	0	25.832.591.284	0	18.320.999.784	25.832.591.284
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.546.545.714	(7.060.227.991)	43.108.452.719	(7.060.227.991)	25.486.317.723	36.048.224.728
Phải thu về cho vay	11.325.500.000	0	11.325.500.000	0	11.325.500.000	11.325.500.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	350.000.000	0	350.000.000	0	350.000.000	350.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	501.073.530	(645.730)	501.073.530	(632.530)	500.427.800	500.441.000
<b>Cộng</b>	<b>63.044.119.028</b>	<b>(7.060.873.721)</b>	<b>81.117.617.533</b>	<b>(7.060.860.521)</b>	<b>55.983.245.307</b>	<b>74.056.757.012</b>

**Giá trị sổ sách**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Giá trị hợp lý	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Phải trả cho người bán	565.842.145.727	243.133.636.222	565.842.145.727	243.133.636.222	243.133.636.222
Vay và nợ	1.135.961.960.984	1.158.061.472.286	1.135.961.960.984	1.158.061.472.286	1.158.061.472.286
Chi phí phải trả	19.571.027.340	12.363.836.049	19.571.027.340	12.363.836.049	12.363.836.049
Các khoản phải trả khác	16.992.041.239	16.028.291.933	16.992.041.239	16.028.291.933	16.028.291.933
<b>Cộng</b>	<b>1.738.367.175.290</b>	<b>1.429.587.236.490</b>	<b>1.738.367.175.290</b>	<b>1.429.587.236.490</b>	<b>1.429.587.236.490</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****05. Tài sản đảm bảo*****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.10 và V.13). Giá trị sổ sách của tài sản cố định đã thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng của Công ty tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2016 là 38.360.919.431 đồng.

***Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác***

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**06. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Các khoản cho vay***

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**07. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Số cuối kỳ	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
Phải trả cho người bán	565.842.145.727	0	0	565.842.145.727
Vay và nợ	1.115.380.029.164	20.581.931.820	0	1.135.961.960.984
Chi phí phải trả	19.571.027.340	0	0	19.571.027.340
Các khoản phải trả khác	1.381.641.239	15.610.400.000	0	16.992.041.239
<b>Cộng</b>	<b>1.702.174.843.470</b>	<b>36.192.331.820</b>	<b>0</b>	<b>1.738.367.175.290</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	243.133.636.222	0	0	243.133.636.222
Vay và nợ	1.133.744.358.648	24.317.113.638	0	1.158.061.472.286
Chi phí phải trả	12.363.836.049	0	0	12.363.836.049
Các khoản phải trả khác	1.317.891.933	14.710.400.000	0	16.028.291.933
<b>Cộng</b>	<b>1.390.559.722.852</b>	<b>39.027.513.638</b>	<b>0</b>	<b>1.429.587.236.490</b>

**08. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**09. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**10. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu



Hoàng Thị Loan

Trưởng phòng tài chính kế toán



Ngô Văn Hân

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Hữu